

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÀI**  
**YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY**  
Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province  
Email: [Yfatuf@gmail.com](mailto:Yfatuf@gmail.com)  
Website: [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)

---



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**QUÝ III NIÊN ĐỘ 2019-2020**  
**(Từ 01/10/2019-30/06/2020)**



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bán thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>96.969.181.874</b>	<b>76.620.474.829</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>20.906.876.506</b>	<b>50.545.556.785</b>
1. Tiền	111		5.506.876.506	6.945.556.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.400.000.000	43.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.432.544.318</b>	<b>8.911.191.854</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.974.350.497	7.526.989.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.972.181.000	826.986.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.491.670.371	557.215.879
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(5.657.550)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>44.369.273.262</b>	<b>16.994.737.100</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.369.273.262	18.496.217.878
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(1.501.480.778)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.8</b>	<b>1.260.487.788</b>	<b>168.989.090</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.260.487.788	168.989.090
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.600.162.631</b>	<b>26.110.100.005</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>V.9</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

200  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 LÂM  
 NÔNG  
 SẢN  
 THỰC  
 PHẨM  
 YÊN  
 BÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.165.838.064</b>	<b>20.171.391.260</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.123.777.580	20.086.580.776
- Nguyên giá	222		164.469.795.370	156.249.342.359
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(141.346.017.790)	(136.162.761.583)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	42.060.484	84.810.484
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(128.939.516)	(86.189.516)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>1.091.562.803</b>	<b>5.142.875.771</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.091.562.803	5.142.875.771
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.13</b>	<b>342.761.764</b>	<b>795.832.974</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		342.761.764	795.832.974



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>121.569.344.505</b>	<b>102.730.574.834</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.499.842.789</b>	<b>26.620.654.421</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.472.992.789</b>	<b>26.593.804.421</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	4.470.101.639	3.715.231.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.500.591.981	475.910.047
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	11.867.263.319	5.293.516.444
4. Phải trả người lao động	314		13.107.921.381	12.239.948.380
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.388.504.495	1.174.525.373
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.547.346.246	1.524.397.074
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	767.959.397	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	3.090.164.804	170.706.749
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2.733.139.527	1.999.568.449
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.850.000</b>	<b>26.850.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.22	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

147  
 IN SA  
 AM  
 AI  
 YEN

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78.069.501.716</b>	<b>76.109.920.413</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>78.069.501.716</b>	<b>76.109.920.413</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.360.230.000	52.360.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.019.361.390	1.589.316.120
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.366.849.655	21.837.313.622
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.061.006.774	335.050.143
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.305.842.881	21.502.263.479
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>121.569.344.505</b>	<b>102.730.574.834</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2020

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thanh Sơn



Giám đốc

Hứa Minh Hồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Quý III niên độ 2019-2020 (từ 01/04-30/06/2020)*

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ III NIÊN ĐỘ 2019-2020		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/04-30/06/2020)	Năm trước (01/04-30/06/2019)	Năm nay (01/10/2019-30/06/2020)	Năm trước (01/10/2018-30/06/2019)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	97.673.260.138	90.170.252.250	292.091.219.240	277.490.314.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	526.811.000	0	526.811.000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01.02)	10		97.146.449.138	90.170.252.250	291.564.408.240	277.490.314.841
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	78.811.970.066	75.686.401.500	240.421.214.722	239.610.108.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18.334.479.072	14.483.850.750	51.143.193.518	37.880.206.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	153.167.068	57.548.577	948.513.090	442.762.661
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	176.473.991	1.340.161.155	380.561.765	1.889.203.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.011.811	1.331.253.213	222.549.023	1.836.881.601
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.b	2.245.011.470	2.309.357.665	6.803.909.444	6.880.641.680
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.a	4.583.031.848	6.078.360.465	18.608.622.544	18.330.938.398
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.483.128.831	4.813.520.042	26.298.612.855	11.222.186.251
11. Thu nhập khác	31	VI.6	0	102.500	48.181.819	7.232.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	0	14.653.470	26.200.637	189.068.873
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	(14.550.970)	21.981.182	(181.836.873)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.483.128.831	4.798.969.072	26.320.594.037	11.040.349.378
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.671.695.589	926.096.019	4.014.751.156	2.374.918.865
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		9.811.433.242	3.872.873.053	22.305.842.881	8.665.430.513
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.874	814	4.260	1.820
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuý Dương

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thanh Sơn

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2020



Giám đốc

Hứa Minh Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp) (\*)*  
**Quý III niên độ 2019-2020 (từ 01/04-30/06/2020)**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2019-30/06/2020)	Năm trước (01/10/2018-30/06/2019)
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		<b>26.320.594.037</b>	<b>11.040.349.378</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.435.967.256	6.906.805.927
- Các khoản dự phòng	03		5.657.550	1.551.642.391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		49.420.887	11.334.167
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(710.523.279)	(352.948.178)
- Chi phí lãi vay	06		222.549.023	1.836.881.601
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>31.323.665.474</b>	<b>20.994.065.286</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.525.708.014)	5.075.513.072
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.374.536.162)	(102.485.488.408)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.299.739.428	23.821.356.662
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		95.871.627	463.904.498
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(222.549.023)	(1.694.157.573)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.684.055.548)	(20.179.703.614)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.331.410.000)	(1.090.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(8.418.982.218)</b>	<b>(75.094.790.077)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.081.855.467)	(5.585.906.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10/2019-30/06/2020)	Năm trước (01/10/2018-30/06/2019)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		662.341.460	352.948.178
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.419.514.007)</b>	<b>(5.232.958.459)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		31.280.411.513	193.470.989.915
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(30.512.452.116)	(142.817.717.183)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.326.080.500)	(1.835.544.805)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(17.558.121.103)</b>	<b>48.817.727.927</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(29.396.617.328)</b>	<b>(31.510.020.609)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>50.545.556.785</b>	<b>39.793.956.441</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</b>	<b>61</b>		<b>(242.062.951)</b>	<b>(11.176.016)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>20.906.876.506</b>	<b>8.272.759.816</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thuý Dương

Trưởng phòng kế toán



Nguyễn Thanh Sơn





# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III niên độ 2019-2020 (Từ 01/10/2019-30/06/2020)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
  - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
  - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:  
*Bao gồm:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Cường, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**  
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.  
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
  
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

**5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2020 : 23.126 VND/USD

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 18. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
Tiền mặt		1.085.074.543	826.449.970
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		4.421.801.963	6.119.106.815
Các khoản tương đương tiền		15.400.000.000	43.600.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng			
<b>Cộng</b>		<b>20.906.876.506</b>	<b>50.545.556.785</b>

  

<b>2. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	-	-

  

<b>3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		4.566.808.689	394.856.027
Công ty TNHH MTV TM và gia công Trung Tín		1.200.542.750	518.163.250
Công ty TNHH Giấy Lọc phẩm - Đài Loan		4.180.255.760	1.738.483.680
Công ty TNHH MTV nông sản Đông Hưng		392.566.882	643.474.172
HTX tiêu thụ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát		469.495.495	794.498.815
Công ty TNHH Vĩnh Hùng Cát		257.579.498	1.409.964.925
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		4.421.633.385	1.246.735.200
Công ty TNHH sản xuất thương mại Đạt Phương		1.091.684.808	26.458.598
Khách hàng khác		3.393.783.230	754.354.708
<b>Cộng</b>		<b>19.974.350.497</b>	<b>7.526.989.375</b>

  

<b>4. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		Số cuối kỳ (30/06/2020)	Số đầu năm (01/10/2019)
Công ty CP kỹ thương Đại Việt		750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Cát Thịnh		50.000.000	-
Công ty cổ phần TM và DV Thanh Hưng		3.500.000.000	-
Công ty cổ phần thiết bị và chế biến thực phẩm Hoàng Gia		2.379.300.000	-
Công ty TNHH Vi Toàn		1.235.256.000	-
Công ty TNHH Đức Thịnh		0	16.836.600
Khách hàng khác		1.057.625.000	60.150.000
<b>Cộng</b>		<b>8.972.181.000</b>	<b>826.986.600</b>

  

<b>5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ (30/06/2020)</b>		<b>Số đầu năm (01/10/2019)</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Trần Trọng Nghĩa - Hỗ trợ mua xe		-	30.000.000	-
Thuế TNCN phải thu		-	26.218.278	-
Tạm ứng	1.418.013.000	-	384.912.000	-
Phải thu tiền chiết khấu thương mại		-	100.000.000	-
Phải thu phí hàng nhập đối tác	10.175.000	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)**

Các khoản phải thu khác	63.482.371	16.085.601
<b>Cộng</b>	<b>1.491.670.371</b>	<b>557.215.879</b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
<b>Số đầu năm</b>			-
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.657.550)		(5.657.550)
Giảm do thu hồi được nợ	-		-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(5.657.550)</b>		<b>(5.657.550)</b>

**7. Hàng tồn kho:**

	Số cuối kỳ (30/06/2020)		Số đầu năm (01/10/2019)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	7.513.980.812		8.633.527.436	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	1.674.336.403		1.602.266.263	
Thành phẩm;	35.180.956.047	-	8.260.424.179	(1.501.480.778)
Hàng gửi bán;	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>44.369.273.262</b>	<b>-</b>	<b>18.496.217.878</b>	<b>(1.501.480.778)</b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Giá trị
CP vật tư Yên Bình	-	-
CP bảo dưỡng MM, CP sửa chữa tại NM sản	566.323.909	-
Công cụ, Vật tư, CP hội nghị NMG văn chấn	-	-
Công cụ dụng cụ tại Văn phòng	526.188.673	168.989.090
CP sửa chữa kho chứa giấy lễ tại Phú Thịnh	11.000.000	-
Công cụ vật tư, CP sửa chữa lớn MMTB tại Yên Hợp	45.110.152	-
<b>Cộng</b>	<b>1.260.487.788</b>	<b>168.989.090</b>

**9. Phải thu dài hạn khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế của nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)

**10. Tàng giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	57.662.859.891	91.970.277.720	5.652.284.712	354.450.000	609.470.036	156.249.342.359
Tăng trong kỳ	2.484.866.253	5.762.126.438	-	183.421.369	-	8.430.414.060
- Do mua sắm mới	2.484.866.253	5.762.126.438	-	183.421.369	-	8.430.414.060
- Do phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Do phân loại TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Do XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(209.961.049)	-	-	-	(209.961.049)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	(209.961.049)	-	-	-	(209.961.049)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	60.147.726.144	97.522.443.109	5.652.284.712	537.871.369	609.470.036	164.469.795.370
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	45.750.816.002	70.496.833.065	844.204.618	88.450.000	609.470.036	117.789.773.721
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	52.575.753.063	79.054.120.951	3.635.467.533	287.950.000	609.470.036	136.162.761.583
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	1.650.511.160	3.055.449.250	579.996.542	107.260.304	-	5.393.217.256
- Tăng do điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-	-
- Tổng do điều chỉnh phân loại	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(209.961.049)	-	-	-	(209.961.049)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC	-	(209.961.049)	-	-	-	(209.961.049)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	54.226.264.223	81.899.609.152	4.215.464.075	395.210.304	609.470.036	141.346.017.790
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	5.087.106.828	12.916.156.769	2.016.817.179	66.500.000	-	20.086.580.776
Số cuối kỳ	5.921.461.921	15.622.833.957,7	1.436.820.637	142.661.065	-	23.123.777.580

11.1  
B  
A  
5.002/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH. kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	42.750.000	128.939.516	42.060.484

**12. Chi phí XDCB dở dang**

	Số đầu năm	CP phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ/Vào CP	Số cuối kỳ
Chi phí ĐT CT tổng thể NM Sản Văn	-	642.306.901		642.306.901
Sửa chữa lớn MMTB tại NM Yên Hợp		522.845.725	522.845.725	-
XD sản bê tông, SC máy móc NM Sản Văn	246.554.570	335.479.915	568.577.290	13.457.195
SC đường điện, HT sấy, kho tại yên bin	70.239.900	636.525.099	516.861.196	189.903.803
SC máy móc thiết bị tại Minh Quân	12.862.500	650.516.769	608.124.158	55.255.111
Cải tạo hệ thống sàng công DC 2 - NM Sản Văn	93.582.438	527.144.327	449.292.517	171.434.248
Chi phí sửa chữa VKT Phú Thịnh	-	19.205.545		19.205.545
Chi phí hệ thống xử lý nước thải Văn yên	4.719.636.363		4.719.636.363	-
<b>Cộng</b>	<b>5.142.875.771</b>	<b>3.334.024.281</b>	<b>7.385.337.249</b>	<b>1.091.562.803</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
CP Khai thác nước mặt tại Yên Hợp	41.363.638	50.227.270
CP Khai thác nước mặt + SC HT nước thải Minh quân	156.979.506	213.140.562
CP CCDC tại văn phòng	80.868.849	148.425.873
CP Sửa chữa HT biogas Văn yên	63.549.771	384.039.269
CP tại NM sản Văn yên	-	-
<b>Cộng</b>	<b>342.761.764</b>	<b>795.832.974</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì	1.089.711.808	237.749.298
Công ty TNHH An Hoa	506.220.000	589.050.000
Công ty cổ phần Đông á	395.867.703	713.659.448
Công ty cổ phần Quốc Tế Thanh Bình	541.475.000	187.660.000
Công ty cổ phần Thăng Huy	169.235.000	147.840.000
Công ty TNHH TM Phùng Hưng	170.164.280	163.726.200
Công ty CP Việt Thịnh		116.469.500
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	619.576.089	793.864.489
Phải trả các đối tượng khác	977.851.759	765.212.970
<b>Cộng</b>	<b>4.470.101.639</b>	<b>3.715.231.905</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty HUEI TAI TRADING CO	-	84.207.065
Công ty TNHH TM XNK và xây dựng Hưng Hiệp	1.217.700.000	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Mạnh Hùng	-	5.506.560
Công ty cổ phần Thiên Phúc	-	24.973.941
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	-	-
Công ty TNHH MTV Quan - JIA	-	-
Công ty CP JUNMA Yên Bái	178.886.460	178.886.460
Phải trả cho các đối tượng khác	104.005.521	182.336.021
<b>Cộng</b>	<b>1.500.591.981</b>	<b>475.910.047</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp**

	Đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.033.470.891	22.175.316.452	14.985.130.252	9.223.657.091
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	51.505.150	51.505.150	0
Thuế nhập khẩu	0	-	-	0
Thuế TNDN	2.302.266.320	4.014.751.156	3.684.055.548	2.632.961.928
Thuế thu nhập cá nhân	947.852.593	2.186.257.497	3.134.110.090	0
Thuế tài nguyên	9.926.640	197.217.140	196.499.480	10.644.300
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	109.332.576	109.332.576	0
Các loại thuế khác	0	19.653.551	19.653.551	0
<b>Cộng</b>	<b>5.293.516.444</b>	<b>28.754.033.522</b>	<b>22.180.286.647</b>	<b>11.867.263.319</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường quý 1 năm 2020	1.119.214.023	864.900.000
Phí kiểm toán 06.T đầu năm 2020	-	55.000.000
Phí Dịch vụ môi trường rừng	-	-
Trích trước Chi phí lãi vay	-	-
Trích trước tiền Bảo hộ LĐ theo khoản	626.666.670	-
CP hỗ trợ thu mua và QL vùng NL sản	1.896.522.185	-
Chi phí phụ tùng , Cp nước thải NM sản	630.848.780	-
Chi phí tiền điện	115.252.837	254.625.373
Chi phí trả trước tại nhà máy sản	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.388.504.495</b>	<b>1.174.525.373</b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	276.574.594	85.711.292
Tiền BHXH phải trả cho Người lao động	-	5.000.000
Tiền hỗ trợ tai nạn lao động	-	-
Bảo hiểm xã hội	793.695.405	714.896.774
Phải trả khác tại VP	55.852.000	9.442.001



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)**

Phải trả khác	421.224.247	709.347.007
Tiền Tiết kiệm vật tư	173.486.762	684.766.277
Tiền tiền bóc vác, CP khác	247.737.485	24.580.730
<b>Cộng</b>	<b>1.547.346.246</b>	<b>1.524.397.074</b>

**19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn**

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	767.959.397	767.959.397
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>767.959.397</b>	<b>767.959.397</b>

**Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	0	31.280.411.513	30.512.452.116	767.959.397
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	31.280.411.513	30.512.452.116	767.959.397

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là chi phí dự phòng theo kế hoạch sửa chữa hồ biogas nhà máy sản vãn yên, chi phí sửa chữa NC- vật kiếng

**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Đầu năm	Tăng do PP từ LN	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	613.604.122	1.000.000.000	725.610.000	887.994.122
Quỹ phúc lợi	1.385.964.327	720.181.078	261.000.000	1.845.145.405
	<b>1.999.568.449</b>	<b>1.720.181.078</b>	<b>986.610.000</b>	<b>2.733.139.527</b>

**22. Phải trả người bán dài hạn**

Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vinh Phúc

	Cuối năm	Đầu năm
	1.850.000	1.850.000
<b>Cộng</b>	<b>1.850.000</b>	<b>1.850.000</b>

**23. Phải trả dài hạn khác**

Ông Hà Xuân Quảng

Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường

**Cộng**

	Cuối năm	Đầu năm
	5.000.000	5.000.000
	20.000.000	20.000.000
	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)

**24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu*

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.600.880.000	323.060.671	1.655.874.059	27.358.956.493	76.938.771.223
Lợi nhuận trong kỳ				21.502.263.479	21.502.263.479
Trích lập các quỹ trong kỳ			692.792.061	(3.463.960.304)	(2.771.168.243)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP	4.000.000.000			(4.000.000.000)	-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ	759.350.000		(759.350.000)		-
Chi cổ tức				(19.040.352.000)	(19.040.352.000)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(519.594.046)	(519.594.046)
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>52.360.230.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>1.589.316.120</b>	<b>21.837.313.622</b>	<b>76.109.920.413</b>
Số dư đầu năm nay	52.360.230.000	323.060.671	1.589.316.120	21.837.313.622	76.109.920.413
Lợi nhuận trong kỳ				22.305.842.881	22.305.842.881
Trích lập các quỹ trong kỳ			430.045.270	(430.045.270)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(1.720.181.078)	(1.720.181.078)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo				(300.000.000)	(300.000.000)
Chi cổ tức năm 2019 (35%)				(18.326.080.500)	(18.326.080.500)
Tăng vốn ĐL từ LN CPP					-
Tăng vốn ĐL từ các quỹ					-
Bán cổ phiếu quỹ					-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>52.360.230.000</b>	<b>323.060.671</b>	<b>2.019.361.390</b>	<b>23.366.849.655</b>	<b>78.069.501.716</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông		52.360.230.000	47.600.880.000
Thặng dư vốn cổ phần		323.060.671	323.060.671
<b>Cộng</b>		<b>52.683.290.671</b>	<b>47.923.940.671</b>
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân		Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		52.360.230.000	47.600.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		0	-
d) Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành		5.236.023	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		5.236.023	4.760.088
+ Cổ phiếu phổ thông		5.236.023	4.760.088
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		5.236.023	4.760.088
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :		10.000	10.000
d) Cổ tức			
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		4.260	3.999
e) Các quỹ của doanh nghiệp:			
- Quỹ đầu tư phát triển;		2.019.361.390	1.589.316.120
<b>20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>		<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		4.518.097.940	4.632.981.976
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại: USD		89.755,920	407.019,290

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	9T Năm nay	9T Năm trước
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>	<b>292.091.219.240</b>	<b>277.490.314.841</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	292.091.219.240	277.490.314.841
<b>Trong đó: Doanh thu nội địa</b>	<b>227.750.165.029</b>	<b>230.938.902.429</b>
DT xuất khẩu trực tiếp	64.341.054.211	46.551.412.412
- DT Sản phẩm Giấy vàng mã:	50.617.487.850	40.441.251.500
Tương đương Tiền USD	2.182.470,00	1.741.490,0
- DT Sản phẩm Giấy để XK	13.143.866.361	6.110.160.912
Tương đương Tiền USD	580.849,56	263.125,62
- DT Sản phẩm Tinh bột sắn:	579.700.000	-
Quy ra USD	24.657,59	-
Tổng cộng USD:	2.787.977,15	2.004.615,62
Các khoản giảm trừ doanh thu	526.811.000	
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>291.564.408.240</b>	<b>277.490.314.841</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>9T Năm nay</b>	<b>9T Năm trước</b>
	526.811.000	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)**

	Giá trị Năm nay	Giá trị Năm trước
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	240.421.214.722	239.610.108.015
	<b>240.421.214.722</b>	<b>239.610.108.015</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	662.341.460	309.886.519
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	286.171.630	132.876.142
<b>Cộng</b>	<b>948.513.090</b>	<b>442.762.661</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	158.012.742	52.321.557
- Lãi tiền vay;	222.549.023	1.836.881.601
	<b>380.561.765</b>	<b>1.889.203.158</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập khác từ xử lý nợ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	48.181.819	7.232.000
<b>Cộng</b>	<b>48.181.819</b>	<b>7.232.000</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	-	-
- Chi phí khác	26.200.637	189.068.873
- Chi phí thanh lý TSCĐ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.200.637</b>	<b>189.068.873</b>
<b>8. Chi phí bán hàng và chi phí</b>		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	11.195.568.098	9.798.414.700
Chi phí vật liệu quản lý	158.786.548	257.337.645
Chi phí đồ dùng văn phòng	333.721.421	664.965.350
Chi phí khấu hao TSCĐ	523.373.670	714.450.944
Thuế, phí và lệ phí	1.181.238.590	1.727.371.551
Chi phí dự phòng	721.649.450	69.742.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.117.254.306	822.170.146
Chi phí bằng tiền khác	3.377.030.461	4.276.486.062
<b>Cộng</b>	<b>18.608.622.544</b>	<b>18.330.938.398</b>
b) Các khoản chi phí bán hàng phát		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	6.803.909.444	6.880.641.680
<b>Cộng</b>	<b>6.803.909.444</b>	<b>6.880.641.680</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 9 tháng niên độ 2019-2020 (tiếp theo)**

<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.014.751.156	2.374.918.865
	4.014.751.156	2.374.918.865

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thuý Dương

Trưởng phòng kế toán

  
Nguyễn Thanh Sơn



Handwritten notes on the right margin: 1/1, 2/1, 3/1, 4/1, 5/1, 6/1, 7/1, 8/1, 9/1, 10/1, 11/1, 12/1, 13/1, 14/1, 15/1, 16/1, 17/1, 18/1, 19/1, 20/1, 21/1, 22/1, 23/1, 24/1, 25/1, 26/1, 27/1, 28/1, 29/1, 30/1, 31/1, 32/1, 33/1, 34/1, 35/1, 36/1, 37/1, 38/1, 39/1, 40/1, 41/1, 42/1, 43/1, 44/1, 45/1, 46/1, 47/1, 48/1, 49/1, 50/1, 51/1, 52/1, 53/1, 54/1, 55/1, 56/1, 57/1, 58/1, 59/1, 60/1, 61/1, 62/1, 63/1, 64/1, 65/1, 66/1, 67/1, 68/1, 69/1, 70/1, 71/1, 72/1, 73/1, 74/1, 75/1, 76/1, 77/1, 78/1, 79/1, 80/1, 81/1, 82/1, 83/1, 84/1, 85/1, 86/1, 87/1, 88/1, 89/1, 90/1, 91/1, 92/1, 93/1, 94/1, 95/1, 96/1, 97/1, 98/1, 99/1, 100/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Đơn vị tính: VND	
	Giấy đề	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lễ + Ván bóc+rác ván		Loại trừ nội bộ
<b>Năm nay</b>							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	81.949.233.044	50.617.487.850	151.121.258.690	7.614.361.471	788.878.185	-	292.091.219.240
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	11.418.916.749	14.703.599.180	40.367.138.085	2.182.816.401	(100.571.481.095)	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>113.848.443.724</b>	<b>65.320.887.030</b>	<b>191.488.396.775</b>	<b>9.797.177.872</b>	<b>788.878.185</b>	<b>(100.571.481.095)</b>	<b>292.091.219.240</b>
Chi phí bộ phận	-	50.182.932.267	138.174.705.918	8.478.988.415	-	-	265.571.679.525
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	13.214.180.120	12.946.552.772	(864.626.944)	-	-	25.730.661.530
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	948.513.090
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(380.561.765)
Từ nhập khác	-	-	-	-	-	-	48.181.819
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(26.200.637)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	(4.014.751.156)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.305.842.881</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					
	Giấy đề	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Cộng	
<b>Số cuối năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.314.323.538	9.746.718.046	33.780.354.863	982.364.808	121.569.344.505	
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(24.208.026.492)	7.756.018.693	14.819.379.701	1.465.142.372	-	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>51.106.297.046</b>	<b>17.502.736.739</b>	<b>48.599.734.564</b>	<b>2.447.507.180</b>	<b>121.569.344.505</b>	
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	4.290.784.498	7.977.100.772	29.450.879.453	219.409.661	43.499.842.789	
<b>Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận</b>	-	-	-	-	-	
<b>Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận</b>	-	-	-	-	-	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.290.784.498</b>	<b>7.977.100.772</b>	<b>29.450.879.453</b>	<b>219.409.661</b>	<b>43.499.842.789</b>	
<b>Số đầu năm</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	85.078.908.159	9.174.822.611	2.719.009.011	3.863.035.106	102.730.574.834	
Tài sản phân bổ cho bộ phận	(19.241.521.570)	5.974.195.596	11.723.727.455	1.396.310.870	-	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>65.837.386.589</b>	<b>15.149.018.207</b>	<b>14.442.736.466</b>	<b>5.259.345.976</b>	<b>102.730.574.834</b>	
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	8.968.987.746	9.174.822.611	2.719.009.011	3.863.035.106	26.620.654.421	
<b>Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận</b>	-	-	-	-	-	
<b>Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận</b>	-	-	-	-	-	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.968.987.746</b>	<b>9.174.822.611</b>	<b>2.719.009.011</b>	<b>3.863.035.106</b>	<b>26.620.654.421</b>	

# CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

09 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	227.748.816.779	230.938.902.429
Khu vực xuất khẩu	64.341.054.211	46.551.412.412
<b>Cộng</b>	<b><u>292.089.870.990</u></b>	<b><u>277.490.314.841</u></b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	(4.081.855.467)	(5.585.906.637)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.081.855.467)</u></b>	<b><u>(5.585.906.637)</u></b>

Lập, ngày 19 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Trưởng phòng kế toán

  
Nguyễn Thanh Sơn





**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**  
Mã CK: CAP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *216*/KT

Yên Bái, ngày 20 tháng 07 năm 2020

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi  
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm  
trước tại BCTC hợp nhất

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 11, chương III, thông tư 155/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015 và có hiệu lực ngày 01/01/2016. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý III niên độ 2019-2020 (từ ngày 01/04 đến 30/06/2020) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này : 9.811.433.242 đ của năm 2020
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này : 3.872.873.053 đ của năm 2019
- Chênh lệch tăng : 153,3%

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu bán hàng tăng so với cùng kỳ là 7,7%, trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng so với cùng kỳ là 4,1%;
- Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng, chi phí lãi vay giảm;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 341/KT

Yên Bái, ngày 20 tháng 07 năm 2020

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận  
sau thuế so với cùng kỳ năm trước tại  
BCTC Văn Phòng Công ty

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 11, chương III, thông tư 155/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015 và có hiệu lực ngày 01/01/2016. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty quý III niên độ 2019-2020 (từ ngày 01/04 đến 30/06/2020) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này : 7.002.540.203 đ của năm 2020
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán này : 2.721.779.412 đ của năm 2019
- Chênh lệch tăng : 157%

**Nguyên nhân:**

- Doanh thu bán hàng tăng so với cùng kỳ là 3,7%, trong khi giá vốn hàng bán tăng so với cùng kỳ là 1,7%.

- Chi phí lãi vay giảm;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính Văn Phòng Công ty năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP





CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG  
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI  
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 348/KT

Yên Bái, ngày 20 tháng 07 năm 2020

V/v công bố thông tin

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  Bất thường  Theo yêu cầu  Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
  - 8.1. Báo cáo tài chính quý III niên độ 2019-2020 (kỳ kế toán từ 01/04 đến 30/06/2020) của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:
    - Bảng cân đối kế toán;
    - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
    - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
    - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
  - 8.2. Nội dung giải trình:
    - Công văn số 341/KT ngày 20/07/2020 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính Văn phòng Công ty.
    - Công văn số 346/KT ngày 20/07/2020 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính hợp nhất.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại [www.yfatuf.com.vn](http://www.yfatuf.com.vn)  
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

